

TP Hà Nội

Quận Long Biên

Trường Tiểu học Đô Thị Việt Hưng

BÁO CÁO THỐNG KÊ ĐẦU NĂM HỌC 2018 - 2019

Thời điểm báo cáo: Tháng 9 năm 2018

1. Thông tin Đội ngũ

Nhân sự			Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo					Chia theo chế độ lao động		Trong tổng số		
				Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	Trung học	THPT	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
Tổng số CB, GV, NV:			64	0	38	21	1	4	41	22	53	0	0
Cán bộ quản lý	H.Trưởng		1		1				1		1		
	PH.Trưởng		2		2				2		2		
Tổng số giáo viên			52	0	31	20	1	0	32	19	46	0	0
Chia ra	TPT		1		1				1		1		
	Cơ bản		34		19	14	1		23	10	31		
	Thể dục		3		3				2	1	1		
	Âm nhạc		2			2			2		2		
	Mĩ thuật		2		1	1			2		2		
	Tin học		3		3				1	2	2		
	Tiếng Anh		7		4	3			1	6	7		
Tổng số nhân viên			9	0	4	1	0	4	6	3	4	0	0
Chia ra	Văn phòng	Kế toán	1		1				1		1		
		Y tế (thủ quỹ)	1			1			1		1		
		Văn thư	1		1					1	1		
		Thư viện	1		1				1		1		
		Nhân viên IT	1		1				1				
	Bảo vệ		4					4	2	2			
Giáo viên Tiếng Anh chia theo chuẩn năng lực			Tổng số	C2	C1	B2	B1	Dưới B1	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
			7		4	3			1	6	7		

* Nhân viên bảo vệ chỉ tính đối với các trường hợp nhà trường (quận) ký HĐ, không tính của công ty cung cấp

* Tổng số chia theo trình độ đào tạo và chia theo chế độ lao động phải bằng nhau

* Tổng số CBGVNV = HT + PHT + Tổng giáo viên + Tổng nhân viên

* Giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm thì chỉ nhập vào 1 vị trí chính

2. Thông tin về học sinh

Loại	Tổng số		Lớp - Học sinh									
	Số lớp	Số học sinh	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Học sinh		1469	7	348	6	303	6	257	6	253	7	308
Trong Tổng số - Nữ		692		173		163		118		123		143
- Dân tộc:		15		4		4		2		4		1
- Nữ dân tộc		9		3		2		1		3		0
- Lưu ban năm học trước		0		0		0		0		0		0
- Khuyết tật		3										3
Chia ra:												
- 6 tuổi		346		346								
- 7 tuổi		305		2		303						
- 8 tuổi		256						256				
- 9 tuổi		254						1		253		
- 10 tuổi		308										308
- 11 tuổi												
- 12 tuổi												
- 13 tuổi												
- 14 tuổi												
- Trên 14 tuổi												
Học sinh học ngoại ngữ												
- Tiếng Anh 2 tiết/tuần												
- Tiếng Anh 3 tiết/tuần												3
- Tiếng Anh 4 tiết/tuần		959		348		303						305
- Tiếng Anh trên 4 tiết/tuần		510						257		253		
Học sinh học tin học		818										
Học sinh bán trú:		1375		323		300		235		233		284
Mô hình VNEN(chỉ ĐT Sài Đồng)												
Số lớp có đủ thiết bị dạy học tối thiểu	32		7		6		6		6		7	
Số lớp có trang bị máy chiếu (Bảng TTTM)	2										1	

* Không nhập các ô bôi màu

* Học sinh học ngoại ngữ tính cả các tiết học tiếng Anh chính khóa, tiếng Anh liên kết, song ngữ

* 03 HS lớp 05 không tham gia chương trình tiếng Anh liên kết

* 01 Bảng TTTM lắp tại phòng Tiếng Anh dyned, 01 lắp tại lớp 5A2

3. Thông tin về cơ sở vật chất

TT	Diện tích đất	Số lượng (m2)	Trung bình m2/hs
1	Tổng diện tích khuôn viên đất	16992	13.43
2	Tổng diện tích đất và các sàn xây dựng tính từ tầng 2 trở lên	16992	13.43
3	Diện tích đất sân chơi, bãi tập	13611	10.76
Khối Phòng phục vụ học tập, giảng dạy		Số lượng	Tổng Diện tích (m2)
1	- Phòng học văn hoá	32	1792
2	- Phòng học tin học	1	150
3	- Phòng học ngoại ngữ	6	250
4	- Nhà (khu) giáo dục thể chất	1	600
5	- Phòng giáo dục nghệ thuật		
6	- Phòng giáo dục mỹ thuật		
7	- Phòng giáo dục âm nhạc		
8	- Phòng Thư viện	2	183
	Trong đó: - Kho sách	1	35
	- Phòng đọc giáo viên	1	25
	- Phòng đọc học sinh	1	123
9	- Phòng thiết bị giáo dục		
10	- Phòng truyền thống và hoạt động Đội	1	25
11	- Phòng chuyên đề		
12	- Phòng họp chuyên môn	1	83
13	- Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật		
Khối Phòng hành chính, quản trị		Số lượng	Tổng Diện tích (m2)
1	- Phòng hiệu trưởng	1	41
2	- Phòng phó hiệu trưởng	2	46
3	- Phòng họp giáo viên (hội đồng)	1	71
4	- Văn phòng	1	23
5	- Phòng thường trực - Bảo vệ	2	18
6	- Phòng y tế học đường	1	25
7	- Phòng lưu trữ	1	25
8	- Phòng Công đoàn	0	0
9	- Nhà bếp	1	129
10	- Nhà kho	2	46
11	- Phòng ăn (HS)	1	356
12	- Nhà vệ sinh GV	6	84
13	- Nhà vệ sinh HS	18	252

* Nếu nhà trường còn phòng khác thì liệt kê vào các dòng cuối cùng

* Nếu chỉ có phòng giáo dục nghệ thuật dùng chung thì không kê khai vào phòng AN và MT

* Các đơn vị đang thực hiện cải tạo sửa chữa thì kê khai theo như dự án đã thực hiện xong

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thùy Linh

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hằng Nga